TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thu Hương.
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

Thư ký phiên toà: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M - Sinh năm: 1967.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi ở: Tập thể cơ sở cai nghiện ma túy số 1 (Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai) - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H - Sinh năm: 1977.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi ở: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai- Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2018 và bản tự khai ngày 10/12/2018 cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn M Trình bầy: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không hòa thuận, hạnh phúc. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị H không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 11/12/2018 cũng như quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận việc anh chị chung sống như vợ chồng từ năm 1991 và không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định là đúng. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn như anh M đã trình bầy, hiện tại anh chị đã sống ly thân, anh M có đơn xin ly hôn thì chị nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh M và chị H đều xác nhận, quá trình chung sống, anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan H - Sinh ngày: 23/10/1991; Cháu Nguyễn Thị Kim A - Sinh ngày: 30/4/2001 và cháu: Nguyễn Thị Tuyết N - Sinh ngày: 13/7/2014. Hiện tại cả 03 cháu phát triển bình thường, cháu H đã trên 18 tuổi nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M nhất trí để chị H được nuôi dưỡng cháu Kim A và cháu N cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; chị H cũng nhất trí thỏa thuận với anh M về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không có ý kiến gì khác.

Đối với vụ án này, Tòa án không hòa giải về quan hệ hôn nhân vì các đương sự không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải về việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung giữa các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ chung: Anh M và chị H đều xác nhận anh chị có một số tài sản chung nhưng thỏa thuận tự chia; anh chị cũng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn M khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Anh M và chị H đều có địa chỉ xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị H chung sống như vợ chồng từ năm 1991 nhưng từ đó đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị H không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay không quan tâm đến nhau, tại phiên tòa, anh M giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án và đến nay chị Hương cũng có đơn nhất trí ly hôn với anh M, các đương sự đã cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc anh chị có mâu thuẫn và việc không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định.

Xét thấy việc anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Thu H theo quy định tại Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh M và chị H đều xác nhận, quá trình chung sống, anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan H - Sinh ngày: 23/10/1991; Cháu Nguyễn Thị Kim A - Sinh ngày: 30/4/2001 và cháu: Nguyễn Thị Tuyết N - Sinh ngày: 13/7/2014. Hiện tại cả 03 cháu phát triển bình thường, cháu H đã trên 18 tuổi nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đương sự đã cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của bản thân đủ điều kiện nuôi dưỡng các con, anh M và chị H thỏa thuận để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Kim A và cháu N cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay, do điều kiện công tác nên chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bầy trong quá trình giải quyết vụ án, chị nhất trí ly hôn với anh M và có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Kim A và cháu N. Anh M cũng nhất trí để chị H nuôi dưỡng con chung và không có ý kiến gì khác. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là hợp pháp nên cần xét xử công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh M và chị H đều xác nhận tự thỏa thuận chia tài sản chung và anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung sau khi ly hôn, cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Thị Kim A - Sinh ngày: 30/4/2001 và cháu Nguyễn Thị Tuyết N - Sinh ngày: 13/7/2014 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007795 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Anh Nguyễn Văn M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn; Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên